



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm soát chất lượng**
Laboratory: **Quality Control Center**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng Sản Titan Hoàng Long**
Organization: **Hoang Long Titanium Minerals Processing JSC**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1463**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: **Chemical**

Người quản lý:
Laboratory manager: **Trần Khắc Điệp**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /09/2025 đến ngày 06/10/2030**

Địa chỉ:
Address: **Lô đất 1A-3, Khu Công nghiệp cảng biển Hòn La thuộc Khu Kinh tế Hòn La, xã Phú Trách, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**
Lot 1A-3, Hon La Seaport Industrial Zone, Hon La Economic Zone, Phu Trach Commune, Quang Tri Province, Vietnam

Địa điểm:
Location: **Lô đất 1A-3, Khu Công nghiệp cảng biển Hòn La thuộc Khu Kinh tế Hòn La, xã Phú Trách, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam**
Lot 1A-3, Hon La Seaport Industrial Zone, Hon La Economic Zone, Phu Trach Commune, Quang Tri Province, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **023 2389 8888**

Email: **qc@hlm.com.vn**

Website: **www.hlm.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1463

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Quặng Ilmenit <i>Ilmenite ores</i>	Xác định hàm lượng TiO_2 Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of TiO_2 content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCVN 8911:2012
2.		Xác định hàm lượng FeO Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of FeO content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCVN 08:2025
3.		Xác định hàm lượng Fe_2O_3 Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Fe_2O_3 content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCVN 8911:2012
4.		Xác định hàm lượng P_2O_5 Phương pháp so màu <i>Determination of P_2O_5 content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,02 %	TCVN 8911:2012
5.		Xác định hàm lượng Cr_2O_3 Phương pháp so màu <i>Determination of Cr_2O_3 content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,015 %	TCVN 8911:2012
6.		Xác định hàm lượng V_2O_5 Phương pháp so màu <i>Determination of V_2O_5 content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,02 %	TCVN 8911:2012
7.		Xác định hàm lượng Al_2O_3 Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Al_2O_3 content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCVN 8911:2012
8.		Xác định hàm lượng MnO Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of MnO content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCVN 8911:2012

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1463

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Quặng Zircon <i>Zircon ores</i>	Xác định hàm lượng ZrO ₂ Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of ZrO₂ content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCCS 01:2020
10.		Xác định hàm lượng TiO ₂ Phương pháp so màu <i>Determination of TiO₂ content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,02 %	TCCS 01:2020
11.		Xác định hàm lượng Fe ₂ O ₃ Phương pháp so màu <i>Determination of Fe₂O₃ content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,018 %	TCCS 01:2020
12.		Xác định hàm lượng SiO ₂ Phương pháp khối lượng <i>Determination of SiO₂ content</i> <i>Gravimetric method</i>		TCCS 01:2020
13.	Quặng Rutile <i>Rutile ores</i>	Xác định hàm lượng TiO ₂ Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of TiO₂ content</i> <i>Titrimetric method</i>		TCCS 03:2022
14.		Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ Phương pháp so màu <i>Determination of P₂O₅ content</i> <i>Colorimetry method</i>	0,018 %	TCCS 03:2022
15.	Quặng Ores	Xác định thành phần cỡ hạt Phương pháp sàng rây <i>Determination of particle size</i> <i>Distributions</i> <i>Sieving method</i>	(45 ~ 600)µm	TCCS 06:2025
16.		Xác định thành phần cỡ hạt Phương pháp nhiễu xạ ánh sáng <i>Determination of particle size</i> <i>distributions</i> <i>Laser diffraction method</i>	(0,010 ~ 3500) µm	TCCS 07:2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1463

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

- TCCS... Phương pháp thử nội bộ PTN/*Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng Sản Titan Hoàng Long cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Chế biến Khoáng Sản Titan Hoàng Long phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Hoang Long Titanium Minerals Processing ISC that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

